

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIẾN XƯƠNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

*Án số: 14/2018/HS-ST*

*Ngày 28 – 03 - 2018*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đông Giang

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Xuân Trường và ông Nguyễn Đức Bường.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thu Ngoan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa:***  
Ông Phạm Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2018/TLST –HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 03 năm 2018 đối với:

**1. Bị cáo Đặng Văn D**, sinh ngày 10/3/1970; Sinh quán Xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/10; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Quang Tr (đã chết) và bà Đặng Thị D, sinh năm 1930; Có vợ là Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974; có 02 con lớn sinh năm 1993 con nhỏ sinh năm 1996; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 1989 nhập ngũ vào quân đội nhân dân Việt Nam đến năm 1991 xuất ngũ trở về địa phương sinh sống. Ngày 18/10/2017 bị bắt về hành vi đánh bạc, ngày 20/10/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K khởi tố bị can về hành vi “Đánh bạc” được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, trong thời gian tại ngoại ngày 13/11/2017 bị cáo trộm cắp tài sản,

bị tạm giữ từ ngày 14/11/2017 đến ngày 20/11/2017 chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện K; bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

**2. Người bị hại:**

- Ông Phạm Ngọc S - sinh năm 1963 (Có mặt).
- Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1963 (Có mặt).

Đều trú tại: Thôn Đ, Xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Trần Thị T - sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Trú tại: Tổ 9, phường L, thành phố Th, tỉnh Thái Bình.

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1961 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn M, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn K, xã V, thành phố Th, tỉnh Thái Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Đặng Văn D là người cùng thôn với gia đình ông Phạm Văn S. Khoảng 13 giờ 40 phút biết gia đình ông S không có ai ở nhà, thấy cửa nách nhà ông S mở, D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, nên cầm theo búa đinh của gia đình D sang nhà ông S, D đi vào trong sân qua cửa nách vào phòng ngủ, dùng hai tay cạy bung cánh tủ bên trái thì thấy có chiếc kết sắt hiệu Việt Tiệp đã khóa trong ngăn tủ. D dùng búa đập nhiều nhát vào phía trái cánh cửa kết làm bung cánh cửa kết ra khỏi ổ khóa. Thấy ngăn dưới không có tài sản gì nên D tiếp tục dùng búa đập hai nhát vào cánh cửa ngăn trên làm hở phần tiếp giáp giữa ổ khóa và mặt bên trong cánh cửa và lấy từ kết sắt những tài sản gồm: Tiền mặt 135.400.000đ (VNĐ), gồm các loại tiền mệnh giá 500.000đ, 200.000đ, 100.000đ, 50.000đ; 10 tờ tiền mỗi tờ tiền mệnh giá 100 Đô la Mỹ (USD) là 1.000USD (Theo giám định và định giá là tiền thật có trị giá là 22.760.000đ) và 01 chiếc hộp màu đỏ bên

trong có 01 nhẫn màu vàng vuông ghi trọng lượng 5 chỉ; 01 dây chuyền màu vàng ghi trọng lượng 5 chỉ; 01 đôi bông tai màu vàng ghi trọng lượng 1,5 chỉ (Theo giám định và định giá là vàng có tổng trọng lượng là 11,48 chỉ có trị giá 40.233.000đ); tổng giá trị tài sản là 198.393.000đ. D lấy toàn bộ số tài sản trên rồi cầm búa đi về nhà.

Sau khi lấy được số tài sản trên D đã dùng số tiền 70.800.000đ mua 10 nhẫn vàng tổng trọng lượng 20 chỉ tại hiệu vàng Đức Tiến do chị Trần Thị T sinh năm 1963 trú tại tổ 9, phường L, thành phố Th làm chủ và trả nợ cho ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1955 tại thôn K, xã V, thành phố Th số tiền 8.300.000đ, trả nợ ông Trần Văn T sinh năm 1961 trú tại thôn M, xã V, huyện K số tiền 6.500.000đ. D đã sử dụng 85.600.000đ mua vàng và trả nợ, số vàng mua được cùng số tiền và vàng còn lại D đem cất giấu tại nhà anh trai là D và chị M ở cùng thôn. Đến ngày 14/11/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với Đặng Văn D tiến hành khám xét khẩn cấp thu giữ số tài sản gồm: 49.800.000 đ; 01 túi vải đỏ bên trong có 10 nhẫn vàng (loại 2 chỉ) hiệu Đức Tiến (do D mua); 01 nhẫn vàng 5 chỉ hiệu KT 9999; 01 dây chuyền vàng 05 chỉ; 02 hoa tai vàng 1,5 chỉ.

Tại Công văn số 82/AJC/CV- KD của Tổng công ty vàng Agribank Việt Nam ngày 15/11/2017 và biên bản định giá tài sản ngày 18/11/2017 của Hội đồng định giá huyện Kiến Xương xác định: 01 nhẫn vuông trọng lượng 4,99 chỉ vàng; 01 dây chuyền trọng lượng 4,99 chỉ vàng; 01 đôi bông tai trọng lượng 1,5 chỉ vàng có tổng giá trị 40.233.000đ (bốn mươi triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng) và 10 nhẫn tròn có trọng lượng 20 chỉ có giá trị 70.100.000đ (bảy mươi triệu một trăm mười nghìn đồng).

Kết luận giám định số 5842/C54 – P5 ngày 21/11/2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát ngày 21/11/2017 kết luận 10 tờ tiền mệnh giá 100USD là tiền thật; kết luận giám định tài sản số 17/KL – HDDG của Hội đồng định giá tài sản huyện K ngày 22/11/2017 về việc định giá 10 tờ mệnh giá 100USD tại thời điểm định giá có giá trị 22.760.000đ.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện K đã thu giữ quản lý và xử lý vật chứng như sau: Trả lại cho ông Phạm Ngọc S 01 chiếc

kết sắt hiệu Việt Tiệp màu xanh kích thước 75x45cm hệ thống khóa, cửa kết bị phá hỏng; 01 nhẫn vuông trọng lượng 4,99 chỉ vàng; 01 dây chuyền trọng lượng 4,99 chỉ vàng; 01 đôi bông tai trọng lượng 1,5 chỉ vàng; 10 nhẫn trơn có trọng lượng 20 chỉ (Đ lấy tiền trộm cắp mua vàng); 10 tờ tiền mỗi tờ tiền mệnh giá 100 Đô la Mỹ (USD) và 56.300.000đ tiền VNĐ (gồm 49.800.000đ thu giữ của D và 6.500.000đ thu giữ của ông Tâm). Chuyển Chi cục thi hành án dân sự tiếp tục quản lý các vật chứng khác gồm: 01 chiếc búa đinh cán búa bằng ống nhựa màu xanh dài 22cm, thân búa bằng sắt dài 06 cm và 01 túi vải màu đỏ có khóa kéo ngang.

Đối với số tiền 8.300.000đ mà bị cáo D lấy trả nợ ông Nguyễn Đình Đ, ông Đ đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết, chị Nguyễn Thị Đ (là vợ bị cáo) đã thay bị cáo trả lại cho ông S, ông S đã nhận lại tiền trên.

Về trách nhiệm dân sự: Ông S đã nhất trí nhận lại tiền và tài sản có tổng giá trị là 198.393.000đ và 01 chiếc kết sắt hiệu Việt Tiệp; ông S không yêu cầu bị cáo tiền sửa chữa kết sắt và không yêu cầu bồi thường khoản tiền nào khác.

Tại cáo trạng số 16/CT- VKSKX - ngày 08/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Đặng Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 tuyên bố bị cáo Đặng Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999; tuyên phạt Đặng Văn D từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản nay không có ý kiến gì thêm nên không đặt ra giải quyết; Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chiếc búa đinh cán búa bằng ống nhựa màu xanh dài 22cm thân búa dài 6cm, đầu trên thân búa dẹt hình chữ V dài 4cm và 01 túi vải màu đỏ có một khóa kéo ngang không còn giá trị sử dụng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đặng Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo nói lời sau cùng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ khác có trong vụ án, như: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại ông Phạm Ngọc S; Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám xét, biên bản quản lý vật chứng, biên bản quản lý đồ vật tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K lập; Công văn số 82/AJC/CV/KD của Tổng ty vàng Agribank Việt Nam; Kết luận giám định số 5842/C54-P5 ngày 21/11/2017; kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐG của Hội đồng định giá tài sản huyện K; lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T, ông Trần Văn T và ông Nguyễn Đình Đ.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 13/11/2017 tại gia đình ông Phạm Ngọc S ở thôn Đ, Xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình lợi dụng sơ hở khi gia đình ông S vắng nhà, Đặng Văn D đã lén lút đột nhập vào nhà ông S dùng búa đập phá kết sắt lấy trộm tài sản gồm: Tiền mặt 135.400.000đ; 1.000USD trị giá 22.760.000đ; 11,48 chỉ có trị giá 40.233.000đ, tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 198.393.000đ. Hành vi của bị cáo D đã phạm vào tội “trộm cắp tài sản”

theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi liều lĩnh, thực hiện giữa ban ngày; hành vi của bị cáo gây hoang mang lo lắng đối với quần chúng nhân dân trong việc trông coi quản lý tài sản, gây mất trật tự trị an của địa phương. Trước đó bị cáo bị khởi tố hình sự về hành vi đánh bạc, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó cần đưa ra mức án tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Khi quyết định mức hình phạt cần xem xét: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp cơ bản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, bị cáo có bố là là thương binh, bản thân bị cáo đã có thời gian tham gia quân đội, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5]Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu bồi thường khoản nào khác, nên trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

Đối với số tiền 8.300.000đ mà bị cáo D lấy từ tiền trộm cắp trả nợ ông Nguyễn Đình Đ, ông Đ không biết là tài sản trộm cắp và đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Giữa bị cáo, người bị hại và ông Đ đã thỏa thuận, nhất trí chị Nguyễn Thị Đ (là vợ bị cáo D) thay bị cáo trả lại cho ông S số tiền 8.300.000đ, ông S đã nhận lại tiền trên. Do đó Cơ quan điều tra không truy thu đối với số tiền bị cáo đã trả cho ông Đ là phù hợp.

Về số tiền 6.500.000đ là tiền bị cáo lấy từ tiền trộm cắp trả nợ cho ông Trần Văn T, Cơ quan điều tra quản lý của ông T và trả lại cho gia đình ông S (người bị hại). Ông Tâm có quyền khởi kiện đối với bị cáo D về khoản vay bằng vụ kiện dân sự khác.

[6]Về xử lý vật chứng: 01 chiếc búa đinh là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, giá trị tài sản không đáng kể vì vậy cần tịch thu để tiêu hủy; đối với 01 chiếc túi vải màu đỏ, có một khóa kéo ngang là tài sản của người bị hại, giá trị không đáng kể, ông Phạm Ngọc S không có yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu để tiêu hủy.

[7]Về án phí: Bị cáo Đặng Văn D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 585 Bộ luật dân sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 135,136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Đặng Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt Đặng Văn D 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 14/11/2017.

**2. Về vật chứng:** Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc búa đinh cán búa bằng ống nhựa màu xanh dài 22cm thân búa dài 6cm, đầu trên thân búa dẹt hình chữ V dài 4cm; tiêu hủy 01 chiếc túi vải màu đỏ, có một khóa kéo ngang đã qua sử dụng. ( Theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương ngày 12/02/2018).

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra trả lại ông Phạm Ngọc S 01 chiếc két sắt hiệu Việt Tiệp màu xanh kích thước 75x45cm hệ thống khóa, cửa két bị phá hỏng. Ông S không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do két sắt bị hỏng.

Công nhận việc ông S nhất trí nhận lại những tài sản gồm: 01 nhẫn vuông trọng lượng 4,99 chỉ vàng; 01 dây chuyền trọng lượng 4,99 chỉ vàng; 01 đôi bông tai trọng lượng 1,5 chỉ vàng; 10 nhẫn trơn có trọng lượng 20 chỉ (D lấy tiền trộm cắp mua vàng); 10 tờ tiền mỗi tờ tiền mệnh giá 100 Đô la Mỹ (USD) và 56.300.000đ tiền VNĐ ( gồm

49.800.000đ thu giữ của D và 6.500.000đ thu giữ của ông T), tổng giá trị tài sản ông S đã nhận lại là 198.393.000đ.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Ông S, bà L không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự nào khác.

**4. Án phí:** Bị cáo Đặng Văn D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

**5. Quyền kháng cáo:** Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/03/2018; những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

- VKSND & CA huyện K;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(đã ký)**

**Vũ Đông Giang**





